

VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG NGƯỜI THÁI Ở HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SON LA VÀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI MÔNG Ở HUYỆN SA PA, TỈNH LÀO CAI TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Quản Minh Phương

Học viện Dân tộc
Email: phuongqm@hvdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 5/10/2019
Ngày phản biện: 15/10/2019
Ngày tác giả sửa: 25/10/2019
Ngày duyệt đăng: 9/11/2019
Ngày phát hành: 20/11/2019

DOI:

Bài viết trình bày khái quát thực trạng phát huy các yếu tố văn hoá truyền thống của dân tộc Thái ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La và văn hóa truyền thống của dân tộc Mông ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai trong hoạt động du lịch. Những sắc màu rực rỡ của thổ cẩm người Mông, những điệu múa độc đáo của người Thái, những ngôi nhà trình tường, nhà sàn kiên cố... đã trở thành những tài nguyên du lịch nhân văn cuốn hút khách du lịch. Qua đó, khẳng định vai trò quan trọng của văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước đồng thời khẳng định phát triển du lịch dựa trên văn hoá tộc người là hướng đi hết sức đúng đắn. Những kết quả của hoạt động du lịch tại hai địa phương miền núi được đưa ra gắn với hai tộc người Thái và Mông mang sắc thái điển hình cho văn hoá vùng Tây Bắc đã góp phần đánh giá được tầm quan trọng của hoạt động kinh tế du lịch trong sự phát triển kinh tế chung của cả vùng Tây Bắc, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khoá: Văn hoá truyền thống; Dân tộc thiểu số; Phát triển du lịch; Người Thái ở huyện Mộc Châu; Người Mông ở huyện Sa Pa.

1. Đặt vấn đề

Quan triệt quan điểm của Đảng về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số (DTTS) gắn với phát triển sinh kế, hướng đến xoá đói, giảm nghèo đa chiều bền vững vùng DTTS, trong những năm qua, nhiều địa phương ở vùng DTTS và miền núi đã và đang coi phát triển du lịch là thế mạnh của mình. Đồng thời, thúc đẩy phát triển du lịch dựa trên văn hóa tộc người như là một giải pháp hữu hiệu để giữ gìn, bảo tồn văn hóa và đạt được các mục tiêu kinh tế. Việc bảo tồn và phát huy tốt tài nguyên văn hóa đặc sắc của các tộc người đã và sẽ tạo thêm thế mạnh, sức hấp dẫn góp phần khởi sắc kinh tế du lịch ở các địa phương miền núi.

Qua khảo sát thực tế 2 địa phương miền núi điển hình về phát triển du lịch của vùng Tây Bắc là tỉnh Lào Cai và tỉnh Sơn La, bài viết tập trung phân tích giá trị văn hoá truyền thống của người Thái và Mông (hai tộc người có những đặc trưng văn hoá mang tính điển hình của văn hoá vùng Tây Bắc). Từ đó, chỉ ra tính hữu ích của những giá trị văn hóa độc đáo này đối với kinh tế du lịch. Nhiều nơi có thể biến những giá trị đó trở thành “tài sản” cho địa phương gắn với phát triển du lịch bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu phát triển du lịch ở vùng núi phía Bắc nói chung và Tây Bắc nói riêng phần nào thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, với một số công trình nghiên cứu tiêu biểu: Cuốn “Du lịch với dân tộc thiểu số ở Sapa” (Hoa & Lan (2000) là những kết quả khảo sát thực tế mối quan hệ giữa du lịch và đời sống đồng bào DTTS ở Sapa (tập trung chính vào người Dao, Mông) từ đó đưa ra hàng loạt các phát hiện về những tác động cả tiêu cực và tích cực trong mối quan hệ giữa 2 đối tượng nghiên cứu này. Điều quan trọng hơn là nghiên cứu đã tìm hiểu sự đánh giá và nhìn nhận của chính những người DTTS ở Sapa đối với những tác động này. Đề tài “Cơ sở khoa học để phát triển các sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm vùng núi phía Bắc” (Luong, 2008) đã hệ thống các vấn đề lý luận về du lịch, loại hình du lịch, sản phẩm du lịch nói chung, làm rõ các lý thuyết đối với sản phẩm du lịch thể thao – mạo hiểm, bên cạnh đó cũng hệ thống được các tài nguyên du lịch tự nhiên của vùng núi phía Bắc có giá trị phát triển du lịch và trong nghiên cứu này văn hoá của các DTTS được nhắc đến như dạng tài nguyên du lịch có giá trị bổ trợ. Luận án Tiến sĩ Kinh tế “Sự tham gia của cộng đồng địa phương

trong phát triển du lịch miền núi: Nghiên cứu điển hình tại Sapa, Lào Cai” (Hạnh, 2016) nghiên cứu về sự tham gia của cộng đồng trong sự phát triển du lịch bằng cách đưa ra các mô hình nghiên cứu khác với các nghiên cứu định tính trước đây về vấn đề này. Luận án khẳng định về sự tham gia của cộng đồng địa phương đóng vai trò then chốt đến phát triển du lịch bền vững của mỗi điểm đến, địa phương mà cộng đồng địa phương nhắc đến trong đề tài chính là chủ thể của văn hoá địa phương. Bài viết “Văn hoá bản địa nguồn lực vàng phát triển du lịch Tây Bắc” (Tuyết, 2015), bài viết đã khái quát và khẳng định giá trị các tài nguyên du lịch nhân văn của Tây Bắc “những điều đặc sắc nhất để thương để nhớ” Tây Bắc chính là con người và nền văn hoá bản địa. Đặc trưng khác biệt thu hút khách du lịch của Tây Bắc chính là những nét sinh hoạt truyền thống, lễ hội đặc sắc, đời sống tâm linh, tư tưởng, những điệu múa, điệu hát, các sản phẩm thủ công độc đáo, các phiên chợ vùng cao... tất cả làm nên sức hấp dẫn của văn hoá vùng cao. Gắn văn hoá và du lịch là một chiến lược quan trọng của các tỉnh trong vùng, vừa để bảo lưu, giữ gìn bản sắc vừa mang lại nguồn thu nhập cho bà con đồng bào còn nhiều khó khăn. Thực tế hiện nay, phát triển du lịch Tây Bắc chưa xứng tầm với tiềm năng nên tác giả đã đề xuất một số các giải pháp về quản lý, hợp tác quốc tế, liên kết tuyến điểm, đào tạo nhân lực. Bài viết “Đặc trưng văn hoá tộc người và vấn đề phát triển du lịch vùng Tây Bắc” (Dương, 2016), bài viết khái quát những đặc trưng vùng Tây Bắc phù hợp với phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, một nội dung quan trọng mà bài viết đề cập đến đó là khẳng định vai trò của cộng đồng DTTS trong phát triển du lịch. Cộng đồng DTTS thể hiện vai trò trong quản lý nguồn lực tự nhiên, chủ thể tài nguyên văn hoá là lực lượng lao động chính... Để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, du lịch sinh thái phải dựa vào cộng đồng. Việc trao quyền cho cộng đồng địa phương sẽ tăng tính hiệu quả của hoạt động du lịch cũng như đảm bảo phát triển lâu dài.

Nhìn chung vấn đề phát triển du lịch tại các tỉnh vùng Tây Bắc đã được nghiên cứu nhưng cách tiếp cận giá trị văn hoá truyền thống của các DTTS chưa thống nhất. Đặc biệt, chưa có công trình nào có cái nhìn xuyên suốt đến vai trò, vị trí quan trọng của văn hoá truyền thống DTTS trong tiến trình phát triển bền vững vùng Tây Bắc nói chung và phát triển du lịch bền vững vùng Tây Bắc nói riêng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, người viết đã sử dụng các phương pháp dân tộc học và văn hóa học. Phương pháp điền dã chủ yếu dựa trên cơ sở nghiên cứu thực địa, quan sát, phỏng vấn, ghi chép, chụp ảnh, ghi hình, ghi âm để nắm bắt đời sống văn hóa của đối tượng nghiên cứu, làm rõ những đặc trưng

– đặc điểm văn hoá của hai DTTS trên hai địa bàn nghiên cứu. Đồng thời, lựa chọn cách Tiếp cận không gian văn hóa – không gian phát triển vì các DTTS không cư trú đơn lẻ, mà thường sinh sống quần cư nhiều dân tộc với nhau trên một địa bàn.

4. Kết quả nghiên cứu

Văn hoá truyền thống của đồng bào đa dạng và phong phú, trong nội dung này không đề cập đến tất cả các dạng thức văn hoá của người Thái, người Mông mà chỉ xét đến những yếu tố đã và đang có liên quan đến hoạt động du lịch. Đó là các giá trị văn hoá vật chất truyền thống (gồm nhà cửa, ẩm thực, các sản phẩm của nghề thủ công...) có thể mạnh mẽ phục vụ hoạt động du lịch. Gần đây, các nhà kinh doanh du lịch đã bắt đầu khai thác những yếu tố này để phục vụ nhu cầu ăn, ở của du khách. Nhờ mang đậm tính truyền thống mà các yếu tố văn hoá này luôn mang lại sự quan tâm đặc biệt cho du khách.

4.1. Thực tế khai thác các yếu tố văn hoá truyền thống dân tộc Thái trong du lịch tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La hiện nay

Tỉnh Sơn La có những lợi thế so sánh vượt trội về tiềm năng và nguồn lực phát triển du lịch so với các địa phương lân cận trong khu vực Tây Bắc. Người Thái ở huyện Mộc Châu thuộc nhóm Thái Trắng, là tộc người đã sớm hình thành một nền văn hoá mang màu sắc riêng và độc đáo góp phần không nhỏ vào sự hình thành và phát triển của vùng đất Mộc Châu trước kia và hiện nay. Cùng với sự phát triển của đất nước, đời sống vật chất cũng như tinh thần của đồng bào Thái ở đây đã có nhiều nét thay đổi, song những giá trị và nét đẹp truyền thống trong phong tục, tập quán, lối sống của đồng bào từ xa xưa vẫn được gìn giữ, tiếp tục phát huy, góp phần không nhỏ vào quá trình phát triển vùng đất Mường Xang. Người Thái là một trong những dân tộc có khả năng thổi vào tự nhiên một sức sống mới khác với tự nó. Khả năng ấy chính là chiều dày của văn hoá truyền thống. Trong hoạt động du lịch, các yếu tố văn hoá truyền thống như: thiết chế bản làng, lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, nhà ở truyền thống, văn hoá ẩm thực, nghề thủ công truyền thống đã được vận dụng hết sức linh hoạt, cụ thể.

4.1.1. Thiết chế bản, mừng trong tổ chức đời sống tập thể

Từ khi miền Bắc được giải phóng đến nay, cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống của người Thái Mộc Châu nói riêng và của dân tộc Thái nói chung đã có sự thay đổi lớn. Các bản được sát nhập thành đơn vị liên hiệp gọi là xã, đơn vị bản tuy còn nhưng đã bắt đầu lu mờ. Ngày nay, mặc dù cấu trúc xã hội Thái theo kiểu bản mừng không còn nguyên gốc do việc thiết lập bộ máy hành chính từ trên xuống dưới thống nhất, nhưng danh từ ghép này vẫn được

sử dụng khi nói đến mô hình tổ chức xã hội Thái. Tổ chức bản, mừng ngày nay của người Thái thường tập trung từ khoảng trên 40 nóc nhà. Sự quần cư của các hộ gia đình tạo nên những điểm du lịch thu hút khách đặc biệt là điều kiện để phát triển loại hình du lịch cộng đồng cho khu vực miền núi.

4.1.2. Lễ hội truyền thống

Tỉnh Sơn La là cái nôi sản sinh và nuôi dưỡng nhiều nét văn hóa đặc sắc của tộc người Thái Tây Bắc như lễ hội xíp xí, lễ hội gỏi đầu, lễ hội hạn khuông... Trong vùng, nhiều lễ hội truyền thống được bảo lưu vững chắc; một số lễ hội đã được khôi phục trong vài năm gần đây nhằm đáp ứng nhu cầu của du lịch; một số lễ hội khác được địa phương lên kế hoạch khôi phục sớm nhằm phục vụ hoạt động du lịch. Tại Mộc Châu hiện có 2 lễ hội của người Thái đã được tổ chức để phục vụ du lịch là lễ hội Cầu mưa, lễ hội Hết Chá.

Lễ hội cầu mưa là hoạt động văn hóa tín ngưỡng đặc trưng của người Thái ở bản Nà Bó 1, huyện Mộc Châu. Cứ mỗi dịp xuân về, người dân ở bản Nà Bó bắt đầu mở lễ hội Cầu mưa để bày tỏ lòng thành kính đến ông Then (ông trời) ban cho họ mùa màng bội thu. Lễ cầu mưa của người Thái không chỉ gửi gắm mong muốn mùa màng bội thu, đời sống đủ đầy mà còn mang ý nghĩa khẳng định rằng, con người và thiên nhiên có sự gắn kết, ràng buộc lẫn nhau. Sự tôn trọng thiên nhiên chính là tôn trọng cuộc sống con người, đem lại những điều tốt nhất cho cuộc sống con người. Lễ hội Cầu mưa đã được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể, vừa có ý nghĩa bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy giá trị của di sản, vừa là yếu tố có tác động tích cực trong chiến lược phát triển du lịch cho Mộc Châu.

Lễ hội Hết Chá (kết thúc mùa ban nỏ) thường diễn ra thường niên từ 23 đến 26 tháng 3 ở Bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu. Lễ hội là hoạt động để tỏ ơn Thầy mo dùng mẹo và nhờ thần linh chữa được bệnh cho dân làng. Lễ tạ ơn ấn định tổ chức vào tháng 3 hàng năm, khi hoa ban vào độ nở rộ nhất, măng rừng bắt đầu đắng và mọi người chuẩn bị cho vụ mùa mới. Lễ hội Hết Chá ra đời, trở thành nét sinh hoạt văn hóa tâm linh sâu sắc, mang ý nghĩa đoàn kết cộng đồng, cũng là dịp cầu an năm mới và thể hiện lòng biết ơn giữa người với người. Đây cũng là dịp để người Thái tạ ơn đất trời, tạ ơn đấng sinh thành, giáo dưỡng và thể hiện ý thức gắn kết cộng đồng dân tộc, cùng nhau bước vào mùa vụ mới, cầu chúc cho vạn vật hòa hợp, sinh sôi nảy nở, mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt bội thu, gia đình ấm no, hạnh phúc.

Các lễ, tết, hội dân gian chính là cái nôi lưu giữ, bảo tồn nhiều sinh hoạt văn hoá văn nghệ dân gian phong phú, hấp dẫn, có sức thu hút lớn đối với

khách du lịch. Có thể kể đến một số loại hình nghệ thuật trong sinh hoạt văn nghệ của người Thái ở Mộc Châu như hát đối đáp (khắp tua), các điệu xoè, các loại nhạc cụ độc đáo... Như vậy, trước sự phát triển mạnh mẽ du lịch nhiều giá trị văn hoá, trong đó có lễ hội đã được khôi phục và phát huy giá trị, tạo ra nguồn tài nguyên văn hoá giá trị, tạo sức hấp dẫn đối với du khách.

Kết quả điều tra thực địa cho thấy 100% các hộ gia đình làm du lịch đều quan tâm, tham gia, đóng góp vào các lễ hội truyền thống trên. Song khi được hỏi cách tổ chức/ thực hiện các lễ hội này có thay đổi so với khi chưa đón khách du lịch không, thì có đến 70% không có câu trả lời. (Theo tư liệu điền dã tháng 10/2016 của Nhóm nghiên cứu đề tài Thái học lần thứ 2, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội)

4.1.3. Phong tục, tập quán

Đồng bào Thái ở Mộc Châu còn bảo tồn nhiều phong tục tập quán truyền thống có giá trị... Đó là những tập tục trong sinh hoạt hàng ngày, trong lễ cưới, tang ma, trong văn hoá ẩm thực, trong quan hệ cộng đồng... Chính phong tục tập quán của dân tộc là khởi nguồn cho các kế hoạch khám phá, tìm hiểu bản sắc văn hoá dân tộc.

Theo kết quả điều tra thực địa tại 30 hộ gia đình làm du lịch tại Bản Áng xã Đông Sang, thì cả 30 hộ đều không thực hiện tục ở rề. 60% gia đình tổ chức lễ cưới theo kiểu truyền thống, đó là các gia đình thuộc thế hệ sinh những năm 1970 và 1960. 40% còn lại là các gia đình trẻ tổ chức lễ cưới theo kiểu người Kinh. 100% người được hỏi đều trả lời khi ốm đau sẽ chọn đi trạm xá và chữa bằng thuốc Tây chứ không sử dụng các phương pháp theo phong tục truyền thống như làm lễ gọi hồn, lễ buộc chỉ tay... (Theo tư liệu điền dã tháng 10/2016 của Nhóm nghiên cứu đề tài Thái học lần thứ 2, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội)

Phong tục tập quán của dân tộc Thái là vô cùng phong phú. Bên cạnh đó, một thực tế phải thừa nhận là dưới tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội, đến nay một số phong tục tập quán đã biến đổi theo chiều hướng tích cực, phù hợp với nội dung xây dựng đời sống văn hoá mới ở cơ sở.

4.1.4. Không gian và kiến trúc nhà ở truyền thống

Ngày nay, với sự phát triển của kinh tế, nhiều gia đình người Thái Mộc Châu đã tự cải tiến và thay đổi kiến trúc nhà ở của mình. Sự thay đổi này phần lớn chịu ảnh hưởng từ cách làm nhà của người Kinh. Hầu hết đồng bào vẫn ở nhà sàn nhưng phần nhiều là nhà được đóng bằng khung gỗ, cửa, xẻ, bào, đục, đẽo và lắp ráp theo kỹ thuật mộng thắt, mái lợp proximãng, sàn bằng gỗ. Nhà sàn mới hiện

nay chỉ có một cầu thang ở phía cửa chính, cả nam và nữ đều đi chung cầu thang này. Các cửa sổ, lan can được trang trí hoa văn không công phu, tỷ mỉ như nhà truyền thống. Ngôi nhà vẫn được chia làm hai, một nửa là nơi ngủ của các thành viên trong gia đình, một nửa là nơi tiếp khách, đặt bếp và các vật dụng của gia đình. Chủ nhà vẫn nằm gần bàn thờ tổ tiên, rồi lần lượt tới các thành viên khác từ cao đến thấp. Vị trí gần chỗ ngủ, tiếp giáp với cầu thang là nơi để các đồ dùng sinh hoạt, đối diện là gian bếp chính, thường dùng để nấu ăn hàng ngày. Nếu như nhà sản truyền thống của người Thái trước đây có hai bếp thì hiện nay, phần lớn các gia đình chỉ có một bếp duy nhất, một số gia đình còn chuyên bếp ra riêng, thấp hơn nhà ở chính hoặc đưa xuống dưới đất. Tiếp với phần bếp này là không gian ngồi uống nước, tiếp khách với các cửa sổ để hóng mát. Nơi này thường có không gian rộng, đồng bào có thể bày biện nhiều đồ dùng mới như: tủ gỗ, tivi, tủ lạnh...

Theo kết quả thực địa, tại Bản Áng, xã Đông Sang hiện nay có 40 hộ đón khách du lịch nghỉ tại nhà sản theo hình thức du lịch homestay và 02 nhà nghỉ xây theo kiểu nhà ống. Trong 40 hộ làm du lịch homestay, 100% đều là nhà sản đã cách điệu và sửa sang cho phù hợp với việc kinh doanh chứ không còn là nhà sản theo kiểu truyền thống. (Theo tư liệu điền dã tháng 10/2016 của Nhóm nghiên cứu đề tài Thái học lần thứ 2, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội).

4.1.5. Trang phục truyền thống

Ngày nay, do sự giao lưu tiếp xúc văn hóa ngày càng mạnh, nên đồng bào Thái Mộc Châu cũng bị ảnh hưởng trong cách ăn mặc. Phần lớn đồng bào sử dụng các loại vải công nghiệp, chỉ còn người lớn tuổi còn mặc áo cóm, thanh niên chủ yếu mặc sơ mi vì tiện lợi và phù hợp với thời đại; đồng bào chỉ còn mặc áo cóm lúc hội hè, cưới xin. Bên cạnh đó, đồng bào chủ yếu sử dụng trang phục may sẵn của người Kinh hay của Trung Quốc. Ngoài ra, du lịch còn ảnh hưởng sâu sắc đến trang phục biểu diễn văn nghệ. Nhiều người tham gia biểu diễn văn nghệ thường cách điệu trang phục cho đẹp, trang phục nam giới không dùng màu sắc truyền thống, trang phục nữ giới ngoài các màu gốc còn sử dụng thêm nhiều màu trung gian. Thậm chí còn mặc trang phục của dân tộc khác khi biểu diễn các tiết mục văn nghệ của dân tộc đó. Bản thân họ và nhiều người dân trong bản và các vùng lân cận cũng cảm thấy cái hay, cái đẹp của trang phục. Từ đó, một phần của trang phục biểu diễn đã đi vào trang phục đời thường. Đây là kết quả của sự tác động vừa gián tiếp vừa trực tiếp của du lịch.

Kết quả nghiên cứu tại Bản Áng – Đông Sang cho thấy, hầu hết người Thái ở bản đều không mặc

trang phục truyền thống trong đời sống thường ngày, kể cả khi tiếp đón khách du lịch, chỉ có một số hộ gia đình có phụ nữ cao tuổi là các bà còn sử dụng trang phục truyền thống nhưng là trang phục được may bằng vải công nghiệp. Ở bản có một gia đình có kinh doanh may váy áo truyền thống cho phụ nữ Thái và nguyên liệu mua từ chợ trung tâm về chủ yếu là sản phẩm có xuất xứ từ Trung Quốc

4.1.6. Văn hoá và nghệ thuật ẩm thực

Ngày nay người Thái vẫn dùng gạo nếp là chính gọi là “khâu niêu” và đặc sản chế biến từ gạo nếp là “khâu lam” (cơm lam). Bên cạnh đó là hệ thống các loại thực phẩm được dùng trong bữa ăn hàng ngày của người Thái bao gồm: Các loại rau, cách chế biến chính là đồ. Măng - một loại rau rừng quan trọng của người Thái, đặc biệt là măng bương được ngâm chua, có thể sử dụng trong cả năm. Cá và các loại thủy sản khác là nguồn thực phẩm quan trọng của người Thái Mộc Châu. Các món thủy sản được chế biến thành nhiều món, đa dạng, phong phú, nhưng gần gũi nhất với họ là món cá (pa) nướng. Cá nướng có nhiều loại, được chế biến khác nhau như: pa pỉnh tộp, pa chí, pa óm, pa xôm, pa gỏi... hoặc lên men cá tạo thành cá mắm (gọi là mắm). Các món ăn từ thịt cũng được chế biến tương đối giống các món từ cá. Ngoài thịt nướng, hong khói, còn chế biến thành lạp xức, nậm pịa, nhựa mịn, nạng xôm... Người Thái vẫn có thói quen dùng hai loại rượu đó là rượu cất (nấu) và rượu cần (lẩu xá).

Người Thái Mộc Châu hiện nay vẫn duy trì “nếp ăn” như truyền thống và chính những nét độc đáo trong ẩm thực của đồng bào đã thu hút khách du lịch. Song hiện cũng có nhiều hộ gia đình đã lựa chọn ăn cơm tẻ vì dễ nấu, tiết kiệm thời gian... và cũng cần nấu cơm tẻ để phục vụ khách du lịch có nhu cầu. 30 hộ gia đình điều tra tại Bản Áng đều cho kết quả là vẫn có thói quen ăn cơm nếp và các món ăn truyền thống như măng, pa pỉnh tộp, chám chéo... nhưng cũng có ăn cơm tẻ. Còn hầu hết trẻ nhỏ khoảng từ 3 tuổi trở lên ở các gia đình tại Bản Áng đều ăn cơm tẻ.

4.1.7. Nghề thủ công truyền thống

Do tính chất của nền kinh tế tự cấp tự túc, người Thái ở huyện Mộc Châu rất chú trọng các nghề thủ công truyền thống để tạo ra những sản phẩm cần thiết đáp ứng nhu cầu sử dụng hàng ngày của cá nhân và gia đình, trong đó đáng lưu ý là nghề trồng bông dệt vải, thêu thùa và đan lát. Người đàn ông Thái Mộc Châu rất khéo léo trong việc đan lát những vật dụng cho gia đình, như: Sọt, guì, ép, ghé, mâm tròn và chế tác các công cụ lao động sản xuất, đánh cá... từ mây, tre, nứa có sẵn từ tự nhiên ở trong vùng.

Tuy vậy, do tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường và xu hướng hiện đại hóa, một số nghề

truyền thống của đồng bào Thái ở đây đang bị mai một, thậm chí chỉ còn là tàn dư, như nghề rèn, nghề làm đồ trang sức vốn rất phát triển xưa kia. Người Thái Mộc Châu còn rất ít gia đình trồng bông dệt vải mà các sản phẩm bày bán chủ yếu là các sản phẩm dệt công nghiệp, những sản phẩm giả thô kém... Tình trạng này được nhận thấy ở hầu hết các địa phương đang phát triển du lịch chứ không chỉ riêng Mộc Châu. Tại địa bàn khảo sát hiện nay chỉ có 01 hộ gia đình dệt thô vải và làm chăn đệm Thái, còn lại hầu như các nghề truyền thống đã không còn được duy trì. Theo kết quả phỏng vấn sâu của chúng tôi, nguyên nhân là không có người để truyền nghề vì lớp thanh niên hiện nay đều đi học và không thích tiếp thu hay làm nghề truyền thống. Một phần nữa là các sản phẩm truyền thống không cạnh tranh tiêu thụ được với các mặt hàng công nghiệp. Để làm ra một sản phẩm khăn dệt truyền thống khổ rộng 50cm, dài 120cm thì giá thành khoảng từ 300.000 – 500.000 đồng/chiếc, còn khăn công nghiệp chỉ có mức giá từ 150.000 – 200.000 đồng/chiếc.

Ngày 12-11-2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2050/QĐ-TTg phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Theo quy hoạch, Khu du lịch quốc gia Mộc Châu có tổng diện tích tự nhiên là 206.150 ha nằm trên địa bàn 2 huyện Mộc Châu và Vân Hồ, trở thành khu vực động lực phát triển du lịch của tỉnh và của vùng du lịch Trung du miền núi Bắc Bộ với hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao gắn với cảnh quan tự nhiên và bản sắc văn hóa các dân tộc. Với mục tiêu phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu trở thành khu vực động lực phát triển du lịch của tỉnh và của vùng du lịch Trung du miền núi Bắc Bộ, huyện Mộc Châu đã đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, bảo tồn các lễ hội, không gian văn hóa của đồng bào các dân tộc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên gắn với phát triển các loại hình sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao, phát huy tốt lợi thế về nông nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm độc đáo hỗ trợ phát triển dịch vụ du lịch, để thu hút ngày càng nhiều du khách đến thăm quan, khám phá Mộc Châu.

Kết quả phát triển du lịch ở huyện Mộc Châu gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của các DTTS nói chung và văn hoá truyền thống người Thái nói riêng mang lại nhiều hiệu quả tích cực, thu hút ngày càng đông khách du lịch tới địa phương. Kể từ năm 2010 đến nay, lượng khách du lịch đến Mộc Châu tăng nhanh đột biến. Theo thống kê, năm 2010 Mộc Châu đón khoảng 288.000 lượt khách, năm 2013 Mộc Châu đón 600.000 lượt khách, năm 2014 đón khoảng 850.000 lượt khách. Khách du lịch đến với Mộc Châu phân bố tương đối đều trong

năm, nhưng tập trung nhiều nhất vào các dịp lễ hội, ngày nghỉ lễ, dịp tết, mùa Đông, mùa hoa ban, hoa đào, hoa mận nở rộ. Đến nay, trên địa bàn huyện có 180 cơ sở lưu trú du lịch đạt 1.427 phòng, 2.879 giường; khách tham quan du lịch đến Mộc Châu trong năm 2017 ước đạt 1.150.000 lượt, doanh thu xã hội đạt 1.035 tỷ đồng. Trong năm 2018, đã đón tiếp khoảng 1.200.000 lượt du khách đến thăm quan, tổng doanh thu xã hội ước đạt 1.080 tỷ đồng. Du lịch không chỉ tạo ra hiệu ứng tích cực thu hút khách đến mà còn tạo ra nhiều việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Đây là một hướng chuyển đổi nghề nghiệp cho đồng bào, gắn sản xuất với du lịch, dịch vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Với 40 nhà nghỉ cộng đồng với sức chứa 300 khách tại xã Đông Sang, trong năm 2018 đã đón tiếp khoảng 32.000 lượt du khách đến thăm quan, tổng doanh thu ước đạt 3,5 tỷ đồng, tạo việc làm cho 105 người dân. Bản Áng, xã Đông Sang tại Mộc Châu được xây dựng trở thành khu du lịch cộng đồng, đang là điểm đến lý tưởng cho khách du lịch trong và ngoài nước. Đến Bản Áng du khách được hòa mình vào văn hoá truyền thống Thái với những điệu múa xòe, trải nghiệm cuộc sống thường ngày như: Nghi đêm tại nhà sàn truyền thống, nằm đệm bông gạo, thưởng thức những món ăn truyền thống như: thịt trâu gác bếp, cá suối nướng, xôi ngũ sắc, rau rừng, rượu ngô men lá... Mô hình du lịch cộng đồng này mang lại nhiều lợi ích, không chỉ mang lại thu nhập ổn định mà còn góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và bảo tồn, phát huy nét văn hóa độc đáo của đồng bào các dân tộc (Ban Chỉ đạo phát triển du lịch huyện ủy Mộc Châu, 2018).

4.2. Thực tế khai thác các yếu tố văn hoá truyền thống dân tộc Mông trong du lịch tại huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai hiện nay

Người Mông ở huyện Sa Pa có số lượng đông, chiếm 51,65% dân số toàn huyện, chủ yếu là nhóm Mông Đen (ngoài ra còn số ít Mông Hoa và Mông Xanh). Trước đây, đời sống kinh tế của bà con chủ yếu dựa vào nông lâm nghiệp. Hiện nay, ngoài nghề nông và các nghề thủ công truyền thống, có khá nhiều đồng bào Mông đã tham gia vào các hoạt động kinh doanh du lịch và các ngành nghề liên quan. Cộng đồng người Mông đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch ở huyện Sapa. Họ đã tham gia vào một số hoạt động du lịch như dẫn đường, hướng dẫn viên, khâu vác, cung cấp lương thực, thực phẩm, bán hàng lưu niệm... Bên cạnh đó, văn hoá truyền thống của đồng bào cũng chính là tài nguyên văn hoá độc đáo cho phát triển du lịch với những yếu tố như:

4.2.1. Nhà ở truyền thống

Nhà ở truyền thống của người Mông xây dựng

khá kiên cố, tường có thể được trình bằng đất dày hoặc ghép các tấm ván xẻ từ gỗ quý chắc chắn như pơ mu, thông dầu, nghiến, lát... Nhà chủ yếu dựng trên triền núi, phía trước có suối phía sau là núi, xung quanh có thể trồng trọt và chăn nuôi gia súc. Khuôn viên mỗi gia đình đều được bao bọc bằng tường đá hoặc bằng hàng rào tre và gỗ. Ngôi nhà ngoài nhiệm vụ bảo vệ, che trú cho gia chủ còn mang ý nghĩa gắn kết cộng đồng, bởi mỗi nếp nhà người Mông được dựng lên là có sự góp sức của cả họ hàng và thôn bản. Đặc điểm về kiến trúc nhà cửa của người Mông là một trong những điểm thu hút khách du lịch khi đến huyện Sa Pa. Theo kết quả nghiên cứu thực hiện đề tài luận án tiến sĩ của tác giả tiến hành tháng 6/2017, có 25/30 khách quốc tế và 35/50 khách nội địa được hỏi cho biết họ rất quan tâm đến kiến trúc nhà cửa của người Mông và mong muốn được lưu trú tại một ngôi nhà đúng với kiến trúc truyền thống của đồng bào để trải nghiệm và cảm nhận sự khác biệt với các ngôi nhà hiện đại.

Trên địa bàn huyện Sa Pa có 218 cơ sở lưu trú homestay ở các làng bản, hầu hết các ngôi nhà đưa vào phục vụ khách du lịch đều đã cải tạo để phù hợp với du khách chứ không còn giữ nguyên 100% theo kiểu nhà truyền thống. Nhà của người Mông là nhà trệt khi làm homestay có sức chứa khoảng từ 10-15 khách/đêm. Các hộ gia đình sau khi đã đăng ký kinh doanh với Phòng Văn hóa – Du lịch huyện Sa Pa, bắt đầu kinh doanh một cách độc lập. Các hộ tự thu – chi, tự liên hệ với các công ty lữ hành mà đại diện là hướng dẫn viên và giao kèo về quyền lợi, nghĩa vụ của các bên; trực tiếp giao dịch với những khách du lịch vắng lai khi họ có nhu cầu du lịch homestay. Từ năm 2007 về trước, các hộ đồng loạt thu từ 20.000 – 25.000VNĐ/01 khách/01 đêm. Từ năm 2008, chủ nhà được phép thu 40.000VNĐ/01 khách/01đêm, trong đó, sẽ trích 5.000VNĐ đóng cho chính quyền địa phương. Nếu khách có nhu cầu ăn tại gia đình thì chủ nhà sẵn sàng phục vụ với mức thu thường là 20.000VNĐ/bữa sáng, 80.000VNĐ/bữa chính.

4.2.2. Văn hoá ẩm thực

Người Mông dựa vào nguồn lương thực, thực phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, khai thác các sản vật trong tự nhiên (qua hoạt động săn bắn, hái lượm). Sản phẩm trồng trọt có: lúa, ngô, sắn, khoai, đậu tương, lạc, rau (cải, bầu, bí, các loại đậu) và gia vị (hành, tỏi, gừng, ớt...). Nguồn thực phẩm chăn nuôi gồm có: Thịt trâu, bò, dê, lợn, gà, vịt. Các sản phẩm từ rừng như măng, nấm, hoa chuối, rau, củ...; từ săn bắn như thịt chim, gà, thỏ, nhím, lợn rừng, hươu, nai... Mật ong cũng được khai thác nhiều, gồm mật của loại ong làm tổ trong hang đá và trên cây. Nhìn chung các món ăn của người Mông được chế biến khá đơn giản, bữa ăn hàng ngày thường có cơm, canh. Vào dịp lễ, tết có thêm những món như

thịt luộc, nướng, xào, nấu, tiết canh (ăn tiết canh của một số con vật như lợn, dê, riêng tiết canh gà chỉ được dùng khi kết nghĩa anh em, nhận họ hàng, người thân), gạo nếp đồ xôi hoặc giã làm bánh dày. Các loại thịt, nếu có nhiều ăn tươi không hết, thường treo sấy khô trên giàn bếp để ăn dần. Ẩm thực là đặc điểm văn hóa đặc thù của các tộc người với những đặc điểm khác nhau. Khi đi du lịch, ngoài tham quan ngắm cảnh, du khách cũng muốn được thưởng thức ẩm thực địa phương. Kết quả điều tra cho thấy có đến 90/100 du khách được hỏi cho biết ẩm thực là một đặc điểm cuốn hút họ khi đến tham quan các bản làng của người Mông.

Trong các bản của người Mông, đã xuất hiện một vài nhà hàng phục vụ ăn uống cho khách du lịch, chủ yếu là các bản của xã Lao Chải. Đồng bào Mông ở địa bàn có nhiều gia đình có thu lợi từ du lịch bằng việc mở quán bán hàng phục vụ khách tại thôn. Hoạt động này xuất phát từ nhu cầu của khách đối với các sản phẩm đặc trưng của điểm du lịch. Mặt khác, nhằm đáp ứng nhu cầu giải khát và các vật phẩm tiêu dùng, tại điểm tham quan như nước uống, bánh kẹo cũng được bày bán. Tuy nhiên, thu nhập từ loại hình này không cao vì mức tiêu thụ của khách không nhiều.

4.2.3. Trang phục truyền thống

Trang phục của người Mông làm từ vải lanh nhuộm chàm đã tạo ra những nét riêng so với các dân tộc khác về đường nét, màu sắc, hoa văn... Trang phục của người phụ nữ dân tộc Mông luôn sắc sảo, để làm được một bộ trang phục hoàn chỉnh mất rất nhiều thời gian và công sức. Trên nền y phục, màu sắc trang trí khai thác tối đa sắc độ các màu nguyên: đỏ, vàng, xanh, đen. Về kỹ thuật tạo hình, họ tận dụng tối đa các kỹ thuật vừa dệt, thêu, ghép màu và vẽ sáp ong. Sự tài tình của phụ nữ Mông chính là có thể làm ra những bộ trang phục của dân tộc mình bằng chính đôi bàn tay khéo léo.

Trang phục của nam nữ người Mông đều được khách du lịch ưa chuộng, khách du lịch nam thường thích mua mũ của nam giới và chiếc áo mặc trong của đàn ông người Mông, vì chất liệu bằng vải sợi nhuộm và chiếc mũ được thêu nhiều màu sắc rất bắt mắt. Còn khách du lịch nữ thì thích những chiếc khăn và áo của phụ nữ người Mông. Khi tham quan huyện Sa Pa, trang phục dân tộc là điểm dễ nhận thấy và thu hút khách du lịch. Có đến 90/100 khách cho biết họ rất hứng thú với các bộ trang phục truyền thống của người Mông (kết quả điều tra tháng 6/2017).

Theo kết quả thực địa, hầu hết người Mông mặc trang phục truyền thống, tuy nhiên đã có sự cải biên. Cụ thể, những người cao tuổi mặc trang phục truyền thống, người trẻ tuổi thì kết hợp áo truyền thống với váy kiểu dáng truyền thống, nhưng chất liệu làm từ

những sản phẩm công nghiệp “giả thổ cẩm”. Trẻ em được bố mẹ cho mặc quần áo của người Kinh do tiện lợi. Bên cạnh đó, do điều kiện sống và quan niệm nuôi trẻ của đồng bào nên khi đến Sa Pa ở đâu chúng ta cũng dễ bắt gặp những đứa trẻ được mặc rất ít quần áo, dù là mùa đông lạnh. Những bộ trang phục đậm nét truyền thống sẽ được nhìn thấy nhiều tại các dịp lễ hội của đồng bào.

4.2.4. Văn nghệ dân gian

Người Mông say đắm dân ca dân tộc mình đó là tiếng hát tình yêu (gầu plênh), tiếng hát cưới xin (gầu xuống), tiếng hát làm dâu (gầu na nhéng), tiếng hát mồ côi (gầu tú gua), tiếng hát cúng ma (gầu tuò)... Đặc điểm chung của những bài hát dân ca này không chỉ hát bằng lời mà còn có thể giải bày thông qua những nhạc cụ dân tộc như sáo, khèn, kèn lá, kèn môi...

Hiện nay, để phục vụ du lịch, một số bản của người Mông ở huyện Sa Pa đã có những đội văn nghệ phục vụ du khách trong và ngoài nước. 16 làng người Mông còn thành lập các đội văn nghệ phục vụ khách du lịch, thu hút khoảng 200 nam nữ diễn viên không chuyên tham gia. Một số đội ở Lao Chải, Sa Pa, San Sả Hồ không chỉ biểu diễn ở làng mà còn trở thành đội văn nghệ không chuyên của các khách sạn Victorya, BamBo, khách sạn Châu Long, khách sạn Hàm Rồng... Các hoạt động này gồm có các tiết mục ca múa nhạc dân tộc của người dân Mông. Mỗi lần tham gia, các diễn viên được hưởng khoản thù lao là 10.000 đồng/người/lần. Vào mùa khách du lịch Tây Âu, mỗi tháng họ có thể tham gia 4 lần. Như vậy, vào mùa khách du lịch nước ngoài, mỗi hộ này có thể tăng thêm thu nhập là khoảng 40.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, các hoạt động văn nghệ này lại không được tổ chức tại bản mà lại diễn ra tại một điểm du lịch khác, vì thế thu nhập này phụ thuộc vào điểm du lịch (UBND huyện Sa Pa, 2018)

4.2.5. Lễ hội truyền thống

Nói tới văn hóa truyền thống của người Mông, không chỉ nói tới những tập quán ăn ở, canh tác... mà còn ở tín ngưỡng, phong tục, tâm linh. Một trong những lễ hội tiêu biểu thể hiện truyền thống của người Mông là Lễ hội Gầu Tào. Trong đó, tất cả tín ngưỡng về sinh hoạt vật chất, tinh thần đều xoay quanh mối quan hệ gia đình, dòng họ được tái hiện qua lễ hội.

Lễ hội Gầu Tào là lễ hội lớn nhất, đông người tham gia nhất của người Mông, khách du lịch Sa Pa rất thích tham gia lễ hội này. “Gầu Tào” với mục đích là cúng tạ trời đất, thần linh phù hộ ban cho gia đình sự khỏe mạnh, thịnh vượng, cầu phúc, cầu lộc ban cho dân bản, mở hội tạ ơn trời đất, núi sông đã ban cho tài lộc, mùa màng bội thu, gia súc, gia cầm đầy chuồng...

Với mục tiêu tăng cường các hoạt động giao lưu văn hóa, cung cấp các sản phẩm du lịch đặc trưng của các dân tộc huyện Sa Pa, tiếp tục quảng bá về tiềm năng của khu du lịch Quốc gia, huyện Sa Pa đã tổ chức Chương trình Lễ hội Mùa xuân với nhiều hoạt động mới mẻ và hấp dẫn, trong đó có tổ chức đón xuân và lễ hội văn hóa dân gian tại các bản làng. Lễ hội Gầu Tào của người Mông, được tổ chức tại xã San Sả Hồ, vào ngày 11 tháng Giêng. Tháng 1 đến tháng 4 hàng năm là thời điểm Cát Cát thu hút được lượng khách du lịch đông nhất, bình quân mỗi ngày là 270 lượt khách, trong đó khách nước ngoài là từ 50-75 du khách. Đặc biệt thời điểm lễ hội “Gầu Tào” thì lượt khách bình quân mỗi ngày là 350 lượt khách trong đó khách nước ngoài từ 130 du khách, khách nội địa khoảng 220 du khách (UBND huyện Sa Pa, 2018)

4.2.6. Nghề thủ công truyền thống

Chạm khắc bạc là nghề thủ công truyền thống, có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của người Mông. Nghề chạm khắc bạc thể hiện sự phát triển về kỹ thuật và nghệ thuật kim hoàn của người Mông ở huyện Sa Pa, góp phần thiết thực cho đời sống văn hóa, tâm linh của cộng đồng nơi đây. Đến nay, các sản phẩm chạm khắc bạc vẫn giữ nguyên giá trị và vị trí trong đời sống của người Mông ở Sapa. Đến Sa Pa ta dễ dàng bắt gặp nhiều sản phẩm bạc được bày bán...

Nghề thổ cẩm đã có từ rất sớm của cả hai cộng đồng ở địa bàn nghiên cứu. Hoa văn thổ cẩm trên trang phục của các dân tộc ở huyện Sa Pa thể hiện sự khéo léo của đôi bàn tay, sự cần cù lao động và trở thành nét văn hóa truyền thống độc đáo của đồng bào các dân tộc nơi đây. Trước đây, sản phẩm làm ra chỉ phục vụ cho cuộc sống thường ngày. Khi hoạt động du lịch diễn ra, thì đồng bào sản xuất bán cho du khách, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ gia đình. Các gia đình Mông ở thôn Lý, xã Lao Chải có dệt trực tiếp các mặt hàng thổ cẩm và làm nguyên liệu cho các cộng đồng khác mua vải thổ cẩm về thêu. Sản phẩm làm ra từ nghề thêu này là quần áo, mũ, túi xách, các con vật nhồi bông, chiếc khăn, ví nam nữ, vỏ gối đầu, thảm chải nhà... Đây là những mặt hàng phổ biến được bày bán trên khắp các khu phố ở thị trấn Sa Pa và các điểm du lịch.

Trong những năm qua, dựa trên những tài nguyên du lịch đặc biệt về tự nhiên và văn hoá, Sa Pa đã xây dựng được 13 tuyến du lịch cộng đồng với các sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch cộng đồng tham quan làng bản kết hợp với tìm hiểu văn hóa truyền thống của đồng bào địa phương, tìm hiểu các làng nghề truyền thống, xem biểu diễn văn nghệ truyền thống của đồng bào các dân tộc, du lịch leo núi, nghỉ dưỡng... Các điểm du lịch cộng đồng được ghi nhận có tốc độ xóa đói, giảm nghèo nhanh

gặp ba lần so với các thôn, bản không có du lịch. Với các tuyến, điểm du lịch độc đáo Sa Pa đã hình thành được các chương trình du lịch khá đa dạng, nhằm kết hợp được các dạng sản phẩm du lịch để hấp dẫn du khách. Trong đó, Sa Pa đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù để tận hưởng khí hậu, cảnh sắc thiên nhiên và bản sắc văn hóa của người dân bản địa theo các chương trình du lịch “Sa Pa – xứ sở của các chương trình du lịch đi bộ dã ngoại hấp dẫn” và “Sa Pa – Vùng đất của sự trải nghiệm và tìm hiểu văn hóa truyền thống”; sản phẩm du lịch “Chinh phục đỉnh cao” gắn với đỉnh Fansipan, nóc nhà Đông Dương. Những giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Mông cùng với nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, độc đáo sẵn có là điều kiện cho du lịch Sa Pa phát triển. Kết quả hoạt động du lịch luôn tăng trưởng qua từng năm: Năm 2015, du lịch Sa Pa đã tăng trưởng hơn 40% so với trước, lượng khách đến Sa Pa tăng gần 2 lần. Tổng số khách du lịch đến với Sa Pa trong năm 2016 là 970.000 lượt khách, chiếm 35,02% tổng số lượt khách du lịch đến với tỉnh Lào Cai, trong đó du khách quốc tế là 745.000 người, chiếm 76,8%. Theo số lượng thống kê tính đến 31/12/2017 lượng du khách đến với Sa Pa đã đạt hơn 1,7 triệu lượt người, gần gấp hai lần so với năm 2016, đem lại doanh thu gần 2000 tỉ đồng. Trong năm 2018, có 2.420.000 lượt khách du lịch đến với huyện Sa Pa, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó có trên 288.000 lượt khách quốc tế. Tổng doanh thu từ dịch vụ du lịch ước đạt trên 4.000 tỷ đồng, tăng trên 18% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 3 tháng đầu năm 2019, hoạt động du lịch ở huyện Sa Pa đạt nhiều kết quả khả quan đón hơn 800.000 lượt khách (khách quốc tế ước đạt gần 100.000 lượt). Doanh thu từ hoạt động du lịch đạt trên 770 tỷ đồng (Ủy ban Nhân dân huyện Sa Pa, 2018)

5. Kết luận

Thời gian qua, hoạt động du lịch tại huyện Sa Pa và huyện Mộc Châu đã đưa được các giá trị độc đáo trong văn hóa truyền thống của đồng bào nơi đây vào hoạt động của mình. Với kết quả đạt được, du lịch đã có những đóng góp lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế cho các huyện miền núi còn khó

khăn về kinh tế, cải thiện đời sống đồng bào.

Hoạt động du lịch nhằm khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên nêu trên đã có những tác động tích cực đến bảo tồn văn hoá truyền thống song song cải thiện đời sống cho người Thái và người Mông. Ngành du lịch đã tổ chức, hỗ trợ các địa phương khảo sát, phát triển sản phẩm, đồng thời tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch, từ đó hoạt động du lịch, nhất là du lịch cộng đồng đã đem lại những kết quả tích cực, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo nguồn thu ổn định cho bà con. Các điểm du lịch cộng đồng ở huyện Mộc Châu hay huyện Sa Pa đã trở thành những điểm đến quen thuộc của du khách. Du lịch cộng đồng đi kèm các dịch vụ như cung cấp nhà nghỉ, hướng dẫn viên, thuyết minh viên, kinh doanh đồ lưu niệm đã giải quyết vấn đề việc làm, giúp cải thiện đời sống, đưa đến một phương thức sinh kế mới có tính bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực việc phát triển du lịch ở ạt cũng đang khiến văn hóa đồng bào Thái, đồng bào Mông nơi đây đứng trước nguy cơ mai một. Một số phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của đồng bào đã được dần dưng, tái hiện lại để phục vụ khách du lịch, làm mất đi giá trị vốn có. Xu hướng thương mại hóa trong hoạt động du lịch cũng khiến nhiều nét đẹp văn hóa không còn được bảo tồn nguyên gốc. Biểu hiện của sự mai một dễ nhận thấy là ở trang phục truyền thống, món ăn truyền thống hay ngôn ngữ. Theo kết quả nghiên cứu đã chỉ ra ở trên, trang phục truyền thống vốn là sản phẩm được làm thủ công bằng vải tự dệt, thêu tay tỉ mỉ, nay đã được thay thế bằng các loại vải nhập khẩu hay trang phục may sẵn; một số sản phẩm lưu niệm được gọi là đặc trưng vùng, miền lại được nhập về từ nơi khác... Thực trạng này đòi hỏi cần có những chính sách định hướng đi kèm giải pháp cụ thể để phát triển du lịch trên cơ sở gìn giữ, tôn trọng những giá trị văn hóa vốn có. Đồng thời, để hoạt động du lịch thực sự khởi sắc, các địa phương cần tiếp tục hoàn thiện sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm du lịch bằng việc phát huy ưu thế về giá trị và tính độc đáo của văn hoá truyền thống của đồng bào.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mộc Châu. (2002). *Lịch sử Đảng bộ huyện Mộc Châu (Tập 1)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Ban Chỉ đạo phát triển du lịch huyện ủy Mộc Châu. (2018). *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019*.

Bích, Đ. V. (2006). *Tìm hiểu văn hóa dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

Bình, H. H. (1998). *Các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam với môi trường*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Bính, T. V. (Chủ biên, 2004). *Văn hóa các dân tộc Tây Bắc, thực trạng và những vấn đề đặt ra*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Chiến, N. T. (2004). *Văn hóa trong phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Trẻ.

- Dương, T. T. (2016). Đặc trưng văn hoá tộc người và vấn đề phát triển du lịch vùng Tây Bắc. *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*.
- Hạnh, N. T. M. (2016). *Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch miền núi: nghiên cứu điển hình tại Sapa, Lào Cai*. (Luận án tiến sỹ kinh tế).
- Hoa, P. T. M., & Lan, L. T. M. (2000). *Du lịch với dân tộc thiểu số ở Sapa*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Hòa, Đ. T. (2003). *Trang phục các dân tộc thiểu số nhóm ngôn ngữ Việt- Mường và Tày - Thái*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Hòe, N. Đ., & Hiếu, V. V. (2001). *Du lịch bền vững*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Liên, V. T. (2002). *Vài nét về người Thái ở Sơn La*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Lương, P. T. (2008). *Cơ sở khoa học để phát triển các sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm vùng núi phía Bắc*. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch.
- Lương, H. (2003). *Hoa văn Thái*. Hà Nội: Nxb. Lao động.
- Páo, L. G. (1997). *Tìm hiểu văn hóa vùng các dân tộc thiểu số*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai. (2016). *Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Sa Pa, tỉnh Lào Cai đến năm 2030*.
- Tuyết, Đ. T. (2015). Văn hoá bản địa nguồn lực vàng phát triển du lịch Tây Bắc. *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*. Thăng, N. N. (Chủ biên, 2002). *Văn hoá bản làng các dân tộc Thái, Hmông vùng Tây Bắc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
- Ủy ban Nhân dân huyện Sa Pa. (2018). *Báo cáo tình hình hoạt động huyện du lịch Sa Pa*.
- Vân, C. H., & Nam, H. (1994). *Dân tộc Mông ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

TRADITIONAL CULTURAL OF THAI PEOPLE IN MOC CHAU DISTRICT, SON LA PROVINCE AND TRADITIONAL CULTURAL OF MONG PEOPLE IN SAPA DISTRICT, LAO CAI PROVINCE IN TOURISM DEVELOPMENT

Quan Minh Phuong

Vietnam Academy for Ethnic Minorities
Email: phuongqm@hvd.edu.vn

Received: 5/10/2019
Reviewed: 15/10/2019
Revised: 25/10/2019
Accepted: 9/11/2019
Released: 20/11/2019

DOI:

Abstract

The paper presents an overview of the current situation of promoting traditional cultural factors of the Thai people in Moc Chau district, Son La province and traditional cultural factors of the Mong people in Sa Pa district, Lao Cai province in tourism activities. The vibrant colors of the Mong people's brocade, the unique dances of the Thai people, the walled houses, the stilt houses... have become the tourism resources of humanity to attract tourists. Thereby, affirming the important role of traditional culture of ethnic minorities in the socio-economic development cause of nation, and affirming that tourism development based on ethnic culture is very correct direction. The results of tourism activities in the two mountainous provinces are presented in association with the Thai and Mong ethnic groups typical for the Northwest culture, contributing to assessing the importance of economic tourism activities in the overall economic development of the Northwest region towards the goal of sustainable development.

Keywords

Traditional culture; Ethnic minority; Tourism development; Thai people in Moc Chau district; Mong people in Sapa district.